ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22 /2026/QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 28 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định khung số lượng, tên gọi, chức năng các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khung số lượng, tên gọi, chức năng các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về khung số lượng, tên gọi, chức năng các phòng thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Quyết định này áp dụng đối với các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã gồm có phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là phòng).

3. Các cơ quan sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Các tổ chức thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương.

Điều 2. Số lượng và tổng số lượng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quy định số lượng phòng (bao gồm các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Tổng số lượng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được bố trí không vượt quá 666 phòng.

Điều 3. Quy định tên gọi, chức năng các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Đối với các xã, phường có 05 phòng, tên gọi và chức năng như sau:

a) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Văn phòng, Tư pháp, Đối ngoại và một số chức năng thuộc lĩnh vực nội vụ *(công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo)*, một số chức năng thuộc lĩnh vực Văn hóa, khoa học và thông tin *(gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin)*;

b) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Tài chính - Kế hoạch; Xây dựng và Công Thương;

c) Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường;

d) Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Nội vụ *(trừ công tác dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo),* Giáo dục và đào tạo; một số chức năng thuộc lĩnh vực văn hóa, khoa học và thông tin *(gồm: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; in; phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại)*, Y tế;

đ) Trung tâm Phục vụ Hành chính công: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối với các xã có 04 phòng, tên gọi và chức năng như sau:

a) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Văn phòng, Tư pháp, Đối ngoại và một số chức năng thuộc lĩnh vực nội vụ *(công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo),* văn hóa, khoa học và thông tin *(gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin)*;

b) Phòng Kinh tế tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Tài chính - Kế hoạch, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường;

c) Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Nội vụ *(trừ công tác dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo)*, Giáo dục và đào tạo; một số chức năng thuộc lĩnh vực Văn hóa, khoa học và thông tin *(gồm: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; in; phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại)*, Y tế;

d) Trung tâm Phục vụ Hành chính công: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ số lượng và tên gọi, chức năng các phòng theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, chính quyền địa phương cấp xã quyết định việc thành lập các phòng theo thẩm quyền được phân cấp.

2. Giao Sở Nội vụ phối hợp với Ủy ban nhân cấp xã và các cơ quan liên quan tham mưu kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền khi cần điều chỉnh về số lượng, tên gọi, chức năng các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Đôn đốc, rà soát cấp xã thành lập phòng và đi vào hoạt động ổn định xong trước ngày 20/6/2026.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại các phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; quy định cụ thể vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Xây dựng Đảng Tỉnh ủy;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội;
- Các sở, ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Phú Thọ;
- Trung tâm Thông tin - Công báo (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, TH3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Duy Đông

PHỤ LỤC
SỐ LƯỢNG PHÒNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Quyết định số 22 /2026/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

TT	Tên xã, phường	Số lượng phòng	Ghi chú
1	Phường Việt Trì	5	
2	Phường Nông Trang	5	
3	Phường Thanh Miếu	5	
4	Phường Vân Phú	5	
5	Phường Phong Châu	5	
6	Phường Phú Thọ	5	
7	Phường Âu Cơ	5	
8	Phường Vĩnh Phúc	5	
9	Phường Vĩnh Yên	5	
10	Phường Phúc Yên	5	
11	Phường Xuân Hòa	5	
12	Phường Hòa Bình	5	
13	Phường Kỳ Sơn	5	
14	Phường Tân Hòa	5	
15	Phường Thống Nhất	5	
16	Xã Lâm Thao	5	
17	Xã Phù Ninh	5	
18	Xã Thanh Ba	5	
19	Xã Đoan Hùng	5	
20	Xã Hạ Hòa	5	
21	Xã Cẩm Khê	5	
22	Xã Tam Nông	5	
23	Xã Thanh Thuỷ	5	

TT	Tên xã, phường	Số lượng phòng	Ghi chú
24	Xã Thanh Sơn	5	
25	Xã Tân Sơn	5	
26	Xã Yên Lập	5	
27	Xã Tam Sơn	5	
28	Xã Lập Thạch	5	
29	Xã Tam Đảo	5	
30	Xã Tam Dương	5	
31	Xã Vĩnh Tường	5	
32	Xã Yên Lạc	5	
33	Xã Bình Nguyên	5	
34	Xã Xuân Lãng	5	
35	Xã Thổ Tang	5	
36	Xã Tam Hồng	5	
37	Xã Bình Tuyền	5	
38	Xã Đại Đình	5	
39	Xã Liên Hòa	5	
40	Xã Bình Xuyên	5	
41	Xã Cao Phong	5	
42	Xã Đà Bắc	5	
43	Xã Kim Bôi	5	
44	Xã Lạc Sơn	5	
45	Xã An Nghĩa	5	
46	Xã Lương Sơn	5	
47	Xã Mai Châu	5	
48	Xã Tân Lạc	5	
49	Xã Yên Thủy	5	
50	Xã Lạc Thủy	5	

TT	Tên xã, phường	Số lượng phòng	Ghi chú
51	Xã Hy Cương	5	
52	Xã Vĩnh Phú	5	
53	Xã Tu Vũ	5	
54	Xã Phùng Nguyên	5	
55	Xã Vĩnh Hưng	5	
56	Xã Chân Mộng	5	
57	Xã Tiên Lương	5	
58	Xã Hội Thịnh	5	
59	Xã Tam Dương Bắc	5	
60	Xã Tề Lỗ	5	
61	Xã Cao Dương	5	
62	Xã Sơn Đông	5	
63	Xã Vĩnh Thành	5	
64	Xã Liên Châu	5	
65	Xã Sông Lô	5	
66	Xã Nguyệt Đức	5	
67	Xã Bản Nguyên	5	
68	Xã Vĩnh An	5	
69	Xã Tiên Lữ	5	
70	Xã Đào Xá	5	
71	Xã Liên Sơn	5	
72	Xã Vạn Xuân	5	
73	Xã Hải Lựu	5	
74	Xã Bình Phú	5	

TT	Tên xã, phường	Số lượng phòng	Ghi chú
75	Xã Nật Sơn	4	
76	Xã Võ Miếu	4	
77	Xã Đan Thượng	4	
78	Xã Chí Đám	4	
79	Xã Hoàng Cương	4	
80	Xã Hiền Quan	4	
81	Xã Yên Trị	4	
82	Xã Hoàng An	4	
83	Xã Mường Động	4	
84	Xã Phú Khê	4	
85	Xã Lạc Lương	4	
86	Xã Đạo Trù	4	
87	Xã Đại Đồng	4	
88	Xã Minh Đài	4	
89	Xã Thái Hòa	4	
90	Xã Liên Minh	4	
91	Xã Sơn Lương	4	
92	Xã Hùng Việt	4	
93	Xã Quyết Thắng	4	
94	Xã Hiền Lương	4	
95	Xã Hợp Kim	4	
96	Xã Mường Bi	4	
97	Xã Tây Cốc	4	
98	Xã Yên Kỳ	4	
99	Xã Mường Vang	4	
100	Xã Xuân Lũng	4	
101	Xã Đông Thành	4	
102	Xã Dũng Tiến	4	

TT	Tên xã, phường	Số lượng phòng	Ghi chú
103	Xã Mường Thàng	4	
104	Xã Yên Phú	4	
105	Xã Hợp Lý	4	
106	Xã Nhân Nghĩa	4	
107	Xã An Bình	4	
108	Xã Thịnh Minh	4	
109	Xã Văn Miếu	4	
110	Xã Dân Chủ	4	
111	Xã Yên Lãng	4	
112	Xã Thượng Cốc	4	
113	Xã Hương Cần	4	
114	Xã Văn Lang	4	
115	Xã Chí Tiên	4	
116	Xã Vĩnh Chân	4	
117	Xã Bằng Luân	4	
118	Xã Minh Hòa	4	
119	Xã Lai Đồng	4	
120	Xã Trạm Thản	4	
121	Xã Thượng Long	4	
122	Xã Yên Sơn	4	
123	Xã Vân Bán	4	
124	Xã Đồng Lương	4	
125	Xã Thọ Văn	4	
126	Xã Phú Mỹ	4	
127	Xã Toàn Thắng	4	
128	Xã Xuân Đài	4	
129	Xã Quảng Yên	4	
130	Xã Cự Đồng	4	

TT	Tên xã, phường	Số lượng phòng	Ghi chú
131	Xã Xuân Viên	4	
132	Xã Khả Cửu	4	
133	Xã Bao La	4	
134	Xã Pà Cò	4	
135	Xã Thu Cúc	4	
136	Xã Thung Nai	4	
137	Xã Tân Pheo	4	
138	Xã Mai Hạ	4	
139	Xã Quy Đức	4	
140	Xã Vân Sơn	4	
141	Xã Ngọc Sơn	4	
142	Xã Cao Sơn	4	
143	Xã Long Cốc	4	
144	Xã Mường Hoa	4	
145	Xã Tân Mai	4	
146	Xã Đức Nhàn	4	
147	Xã Trung Sơn	4	
148	Xã Tiền Phong	4	
	TỔNG SỐ	**666**	

Trang cuối./.